

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1989; Số CCCD: 0381890254XX; Nơi cư trú: C T, tổ A, phường H, TP Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1987; Số CCCD: 0480870023XX; Nơi cư trú: C T, tổ A, phường H, TP Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thành D kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, ông D thường xuyên ăn nhậu, có lời lẽ xúc phạm, coi thường bà H. Sự thiếu tôn trọng này kéo dài khiến tình cảm rạn nứt, bà H thấy bản thân không được tôn trọng và không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

Về con chung: Bà Lê Thị H xác định trong quá trình chung sống giữa bà và ông D có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/5/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 27/9/2022. Ly hôn bà H đề nghị được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thành D biết để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H. Tuy nhiên ông D không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản hồi.*

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý đến trước và tại thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành D

Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/5/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 27/9/2022. Do bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn ông Nguyễn Thành D có nơi cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng nên tranh chấp ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thành D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Thành D để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Nguyễn Thành D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thành D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thành D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Xét đây là hôn nhân hợp pháp

được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà H và ông D xảy ra mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông D.

Theo biên bản xác minh ngày 30/01/2026 tại tổ A, phường H của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng có xác nhận của chính quyền địa phương xác định: Quá trình chung sống giữa bà H và ông D có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho ông Nguyễn Thành D biết đến Tòa án để hoà giải, giải quyết các mâu thuẫn, có thể quay lại đoàn tụ, duy trì hạnh phúc gia đình nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ ông D không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông D. Từ những tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thành D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H được ly hôn với ông D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H xác định giữa bà H và ông D có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/5/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 27/9/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi yêu cầu về con chung của bà H, ngoài ra cháu Nguyễn Phương N có bản tự khai trình bày nguyện vọng muốn được ở với bà H, cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ý mới hơn 4 tuổi nên việc giao 02 con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà H không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” với bị đơn ông Nguyễn Thành D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/5/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 27/9/2022 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành D không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006527 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;
- UBND phường Hoà Khánh;
(số ĐKKH số 42, ngày 16/3/2010);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký và đóng dấu*)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

